

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán giải tích

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Vũ Việt Hùng

2. Ngày tháng năm sinh: 21/3/1983; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 65, đường Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 5, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Vũ Việt Hùng, Phòng GDTrH-GDTrX, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La, số 106 đường Thanh Niên, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Điện thoại nhà riêng: 078.5544.888; Điện thoại di động: 0969.121.383; E-mail: [viethung@utb.edu.vn](mailto:viethung@utb.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 9/2006 đến 3/2016: Giảng viên, Trường Đại học Tây Bắc

Từ 5/2013 đến 6/2013: Nghiên cứu viên trẻ, Viện Nghiên cứu Cao cấp về Toán

Từ 8/2015 đến 12/2015: Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Cao cấp về Toán

Từ 4/2016 đến 8/2019: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Giải tích, Trường Đại học Tây Bắc

Từ 9/2019 đến 12/2020: Giảng viên, Phó Trưởng phòng TCCB, Trường Đại học Tây Bắc

Từ 1/2020 đến 4/2020: Giảng viên, Phó Trưởng phòng TC-HC, Trường Đại học Tây Bắc

Từ 5/2020 đến 9/2020: Công chức, Phó Chánh văn phòng, Sở GDĐT Sơn La

Từ 10/2020 đến 11/2020: Công chức, P.Trưởng phòng GDTrH-GDTX, Sở GDĐT Sơn La

Từ 11/2020 đến nay: Công chức, Quyền Trưởng phòng GDTrH-GDT, Sở GDĐT Sơn La

Chức vụ hiện nay: Quyền Trưởng phòng; chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La

Địa chỉ cơ quan: Số 106 đường Thanh Niên, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, Sơn La

Điện thoại cơ quan: 0212.3852.355

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Tây Bắc

8. Đã nghỉ hưu từ tháng                      năm                      Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Tây Bắc.

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 6 năm 2006; số văn bằng: C722079; ngành: Toán, chuyên ngành: Sư phạm Toán; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Tây Bắc, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH văn bằng 2 ngày 08 tháng 9 năm 2020; số văn bằng: 383/VB2/2020; ngành: Ngoại ngữ, chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 4 năm 2011; số văn bằng: A006531; ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán giải tích; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 5 tháng 2 năm 2016; số văn bằng: 005301; ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán giải tích; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày                      tháng                      năm                      ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ngưỡng chính tắc của hàm chỉnh hình và hàm đa điều hòa dưới trên  $\mathbb{C}^n$

- Lớp hàm  $m$ -điều hòa dưới và điều hòa dưới có trọng trên  $\mathbb{C}^n$  và hàm đa điều hòa dưới trên đa tạp Kahler compact.

#### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02; cấp Bộ GDĐT;
- Đã công bố (số lượng) 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín, trong đó 08 bài báo khoa học trên tạp chí ISI; 02 bài báo trên tạp chí Scopus; 01 bài chấp nhận đăng trên tạp chí International Journal of Mathematics (ISI).
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Thương công trình Toán học của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 – 2020 vào các năm: 2013, 2016, 2017 và 2020.

#### 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp Bộ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019

#### 16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

STT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SU**

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Bản thân có đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực của một nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức, tư cách tốt; có lý lịch bản thân rõ ràng.
- Được đào tạo đạt trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy đại học và sau đại học.
- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu của nghề nghiệp hiện nay.
- Gương mẫu thực hiện các nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan nơi thỉnh giảng, cơ quan nơi công tác.
- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng và bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- Tham gia tích cực vào việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy đại học và sau đại học tại cơ sở giáo dục đại học; tích cực trong đào tạo, nghiên cứu khoa học (đào tạo, hướng dẫn sinh viên, lưu học sinh, học viên Lào).

- Trung thực, khách quan và luôn hợp tác chặt chẽ với đồng nghiệp, trong có có đồng nghiệp công tác tại bộ môn, trong các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học.

- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn: Đã được cấp bằng tiến sĩ Toán học năm 2015; tích cực trao đổi nâng cao năng lực chuyên môn thông qua các hội nghị, hội thảo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên\*:

- Tổng số 15 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK 2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã hướng dẫn	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016				2	300		300/403.1/259.2
2	2016-2017				6	150	30	180/373.2/216
3	2017-2018				6	105	60	165/348.4/216
3 năm học cuối								
4	2018-2019			1	5	270	105	375/489.2/216
5	2019-2020					150	90	240/331.3/113.4
6	2020-2021			3			120	120/333/135

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

- Tổng số giờ giảng trực tiếp ở bảng trên, ứng viên chưa nhân hệ số quy đổi theo quy chế của Nhà trường. Khi nhân hệ số theo quy định của Nhà trường theo từng năm học từ

2015-2016 đến 2020-2021 thì số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp lần lượt là: 306, 177, 162, 324, 285 và 180.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Thái Nguyên; số bằng: 383/VB2/2020; năm cấp: 2020.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Văn bằng 2 ngành ngôn ngữ Anh và Chứng chỉ B2 khung tham chiếu Châu Âu.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Dung		x	x		11/2017-12/2018	Trường Đại học Hồng Đức	27/12/2018
2	Hoàng Tùng Lâm		x	x		12/2019-12/2020	Trường Đại học Tây Bắc	04/01/2021
3	Sounikone Phanthapadith		x	x		12/2019-12/2020	Trường Đại học Tây Bắc	04/01/2021
4	Sounnaphone		x	x		12/2019-	Trường	04/01/2021

	Phouviengkham					12/2020	Đại học Tây Bắc	
--	---------------	--	--	--	--	---------	-----------------------	--

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận TS							
1	Giải tích hàm	Giáo trình	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, năm 2020	2	Chủ biên	- Trực tiếp biên soạn các trang 102-120, 160- 168. - Cùng biên soạn với đồng tác giả nội dung còn lại	Quyết định số 888/QĐ-DHTB ngày 24/9/2019  Giấy xác nhận số 18/GXN- ĐHTB, ngày 31/12/2020

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [1].

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Một số lớp hàm đa điều hòa dưới trong lý thuyết đa thế vị và ứng dụng trong nghiên cứu hình học phức	CN	B2014-25 -26 Cấp Bộ	01/01/2014- 30/06/2016	Ngày 10/5/2016/Xuất sắc

II	Sau khi được công nhận TS				
1	Sự hội tụ theo $m$ -dung tích của một số lớp hàm $m$ -điều hòa dưới và ứng dụng trong giải phương trình $m$ -Hessian	CN	B2017-TTB-09 Cấp Bộ	01/01/2017-31/12/2018	Ngày 20/3/2019/Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi được công nhận TS								
1	Convergence in capacity on smooth hypersurfaces of compact Kahler Manifolds	2		Annales Polonici Mathematici	Có - SCIE, IF: 0.5; Q3		103, 2, 175-187	2012
2	The log canonical threshold of holomorphic functions	3		International Journal of Mathematics	Có - SCI, IF: 0.688; Q1	4	23, 11, 8 pages 1250115 (1-8)	2012
3	On some class of $\omega$ -plurisubharmonic functions on compact Kahler manifolds	2		Acta Mathematica Vietnamica	Có - Scopus; 0.54; Q3		38, 4, 617-625	2013
4	A result on the comparison	3		Annales Polonici	Có - SCIE,	1	112, 2, 109-114	2014

	principle for the log canonical threshold of plurisubharmonic functions			Mathematici	IF: 0.5; Q3			
5	Some characterizations of the class $\mathcal{E}_m(\Omega)$ and applications	3		Annales Polonici Mathematici	Có - SCIE, IF: 0.5; Q3	1	115, 2, 145-163	2015
Sau khi được công nhận TS								
6	Local property of a class of $m$ -subharmonic functions	1	x	Vietnam Journal of Mathematics	Có - Scopus; 0.44; Q2	5	44, 3, 603-621	2016
7	A characterization of $\mathcal{E}_{(\chi, \text{loc})}(\Omega)$	1	x	Complex Variables and Elliptic Equations	Có - SCIE, IF: 0.695; Q3		61, 4, 448-455	2016
8	Hessian measures on $m$ -polar sets and applications to the complex Hessian equations	2		Complex Variables and Elliptic Equations	Có - SCIE, IF: 0.695; Q3	12	62, 8, 1135-1164	2017
9	The $m$ -Hessian operator on some weighted energy classes of $m$ -subharmonic functions	2	x	Results in Mathematics	Có - SCIE, IF: 1.162; Q2		75, 3, 1-24	2020
10	A remark on covering of compact Kahler manifolds and applications	2		Ukrains'kyi Matematychnyi Zhurnal (Ukrainian Mathematical Journal)	Có - SCIE, IF: 0.518; Q3		73, 1, 138-148	2021
11	Some finite	2		International	Có -	Bài báo đã được chấp		



weighted energy classes of $m$ -subharmonic functions		Journal of Mathematics	SCI, IF: 0.688; Q1	nhận đăng tháng 8/2021, Online Ready tháng 9/2021
---	--	------------------------	--------------------	---

- Trong đó: Số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 03 công trình gồm [6], [7], [9].

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ				
1	Thưởng công trình toán học năm 2013 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 – 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Số 5953/QĐ-BGDĐT ngày 19/12/2013	2013
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ				
2	Thưởng công trình toán học năm 2016 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 – 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Số 3028/QĐ-BGDĐT ngày 26/08/2016	2016
3	Thưởng công trình toán học năm 2017 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 – 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Số 4360/QĐ-BGDĐT ngày 13/10/2017	2017
4	Thưởng công trình toán học năm 2020 của Chương trình trọng điểm quốc	Viện Nghiên cứu Cao cấp về Toán	Số 92/QĐ-VNCCCT ngày 12/10/2020	2020

	gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 – 2020			
--	---	--	--	--

- Trong đó: Số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 2, 3, 4.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo chuyên ngành Toán Giải tích, mã số 8460102	Tham gia	Quyết định 253/ĐHTB-SĐH ngày 11/4/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 5108/QĐ-BGDĐT ngày 26/11/2018	Tham gia với vai trò Thư ký Tổ soạn thảo

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín\*: Không

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sơn La, ngày 10 tháng 10 năm 2021

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Vũ Việt Hùng**